

# ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

## THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2021 CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (*dự kiến*)

### 1. Thông tin chung về Đại học Quốc gia Hà Nội

#### 1.1. Tên đại học, sứ mạng, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ website

- Tên Đại học:

Tiếng Việt: Đại học Quốc gia Hà Nội

Tiếng Anh: Vietnam National University, Hanoi

- Tên viết tắt:

Tiếng Việt: ĐHQGHN

Tiếng Anh: VNU

- Đơn vị chủ quản:

- Địa chỉ: 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 0243.7547.670 (517, 527) Fax: 0243.7547.724

- Địa chỉ website: <http://vnu.edu.vn> E-mail: [tsvnu@vnu.edu.vn](mailto:tsvnu@vnu.edu.vn)

- Cổng thông tin tuyển sinh của ĐHQGHN: <http://tuyensinh.vnu.edu.vn/>

#### Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức đa ngành, đa lĩnh vực; góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; làm nòng cốt và đầu tàu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

#### Tầm nhìn năm 2030

Trở thành đại học định hướng nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, trong đó, một số trường đại học, viện nghiên cứu thành viên thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ cao và kinh tế - xã hội mũi nhọn đạt trình độ tiên tiến châu Á.

#### Giá trị cốt lõi

Chất lượng cao; Sáng tạo; Tiên phong; Tích hợp; Trách nhiệm; Phát triển bền vững.

## **Khẩu hiệu hành động**

Đạt đỉnh cao dựa vào tri thức.

### **1.2. Quy mô đào tạo hiện nay**

- Đại học: 39.000 sinh viên
- Thạc sĩ: 6.500 học viên
- Tiến sĩ: 1.450 NCS

## **2. Các thông tin của năm tuyển sinh**

### **2.1. Đối tượng tuyển sinh**

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

- Đạt các yêu cầu sơ tuyển, nếu đăng kí xét tuyển (ĐKXT) hoặc dự thi vào các trường/khoa có quy định sơ tuyển.

**2.2. Phạm vi tuyển sinh:** ĐHQGHN tuyển sinh trên cả nước và quốc tế.

### **2.3. Phương thức tuyển sinh**

#### **2.3.1. Xét tuyển Đợt 1:**

(1) Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và Quy định đặc thù, Hướng dẫn tuyển sinh của ĐHQGHN;

(2) Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 theo tổ hợp các môn thi/bài thi tương ứng được quy định cụ thể trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường;

(3) Xét tuyển theo các phương thức khác:

- Xét tuyển các thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQGHN tổ chức năm 2021 và các chứng chỉ quốc tế (SAT, A-Level, ACT, IELTS và chứng chỉ quốc tế tương đương – có trong danh mục quy định của ĐHQGHN);

- Xét hồ sơ năng lực (*kết quả học tập bậc THPT, phỏng vấn, điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021 hoặc thí sinh có bằng tú tài quốc tế*) đối với một số đơn vị đào tạo có hợp tác quốc tế và chương trình dạy bằng tiếng Anh;

- Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài đáp ứng các yêu cầu theo quy định của ĐHQGHN và Bộ GDĐT (*Quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/12/2017 của ĐHQGHN; Thông tư 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ GDĐT*).

**2.3.2. Xét tuyển đợt bổ sung (nếu còn chỉ tiêu)**

Xét tuyển như Đợt 1, quy định cụ thể xét tuyển của từng ngành học tương ứng được công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của ĐHQGHN và đơn vị đào tạo (*nếu có*).

Đối với các CTĐT Tài năng, Chuẩn quốc tế, Chất lượng cao: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 hoặc từ các nguồn tuyển khác theo yêu cầu riêng của từng ngành/CTĐT (*sẽ được công bố chi tiết trong Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2021 của đơn vị*). Sau khi trúng tuyển vào các đơn vị đào tạo, thí sinh có nguyện vọng theo học các CTĐT Tài năng, Chuẩn quốc tế, Chất lượng cao phải đạt điểm trúng tuyển vào ngành/CTĐT tương ứng kể trên theo tổ hợp xét tuyển tương ứng. Điểm đăng ký dự tuyển vào các CTĐT này do các HĐTS quy định nhưng tối thiểu bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển vào ngành/CTĐT chuẩn tương ứng.

**2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành theo từng phương thức tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển)**

TT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành (Mã xét tuyển)	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo KQ thi TN THPT năm 2021	Theo Phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
<b>1. TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ ( 1.500 chỉ tiêu)</b>				<b>750</b>	<b>750</b>								
<b>A. Các CTĐT Chuẩn: 870 (chỉ tiêu)</b>				<b>435</b>	<b>435</b>								
<b>Nhóm ngành: Công nghệ thông tin (250 chỉ tiêu)</b>										-		-	
1.1	QHI	CN1	Công nghệ thông tin	125	125	A00	A01						
			Công nghệ thông tin định hướng thị trường Nhật Bản										
<b>Nhóm ngành: Máy tính và Robot (140 chỉ tiêu)</b>										-		-	
1.2	QHI	CN2	Kỹ thuật máy tính	70	70	A00	A01						
			Kỹ thuật Robot*										
<b>Nhóm ngành: Vật lý kỹ thuật (120 chỉ tiêu)</b>													
1.3	QHI	CN3	Kỹ thuật năng lượng*	60	60	A00	A01						
			Vật lý kỹ thuật										
1.4	QHI	CN4	Cơ kỹ thuật	40	40	A00		A01		-		-	
1.5	QHI	CN5	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	50	50	A00		A01		-		-	
1.6	QHI	CN7	Công nghệ Hàng không vũ trụ*	30	30	A00		A01		-		-	
1.7	QHI	CN11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	30	30	A00		A01		-		-	

TT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành (Mã xét tuyển)	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo KQ thi TN THPT năm 2021	Theo Phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
1.8	QHI	CN10	Công nghệ nông nghiệp*	30	30	A00		A01		A02		B00	
<b>B. Các CTĐT Chất lượng cao: 630 (chỉ tiêu)</b>				<b>315</b>	<b>315</b>								
1.9	QHI	CN6	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử**	75	75	A00	Toán, Lý (hệ số 2)	A01	Toán, Anh (hệ số 2)	-		-	
<b>Nhóm ngành: Công nghệ thông tin (CLC)</b>													
1.10	QHI	CN8	Khoa học Máy tính	165	165	A00	Toán, Lý (hệ số 2)	A01	Toán, Anh (hệ số 2)	-		-	
			Hệ thống thông tin										
			Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu										
1.11	QHI	CN9	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông**	75	75	A00	Toán, Lý (hệ số 2)	A01	Toán, Anh (hệ số 2)	-		-	
<b>2. TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN (1.610 chỉ tiêu)</b>				<b>1.370</b>	<b>240</b>								
2.1	QHT	QHT01	Toán học	40	10	A00		A01		D07		D08	
2.2	QHT	QHT02	Toán tin	40	10	A00		A01		D07		D08	
2.3	QHT	QHT40	Máy tính và khoa học thông tin** (CTĐT CLC)	70	10	A00		A01		D07		D08	
2.4	QHT	QHT93	Khoa học dữ liệu*	50	10	A00		A01		D07		D08	
2.5	QHT	QHT03	Vật lý học	65	15	A00		A01		B00		C01	
2.6	QHT	QHT04	Khoa học vật liệu	55	5	A00		A01		B00		C01	

TT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành (Mã xét tuyển)	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo KQ thi TN THPT năm 2021	Theo Phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
2.7	QHT	QHT05	Công nghệ kỹ thuật hạt nhân	35	5	A00		A01		B00		C01	
2.8	QHT	QHT94	Kỹ thuật điện tử và tin học*	50	10	A00		A01		B00		C01	
2.9	QHT	QHT06	Hoá học	50	10	A00		B00		D07		-	
2.10	QHT	QHT41	Hoá học** (CTĐT tiên tiến)	30	10	A00		B00		D07		-	
2.11	QHT	QHT42	Công nghệ kỹ thuật hoá học** (CTĐT CLC)	65	15	A00		B00		D07		-	
2.12	QHT	QHT43	Hoá dược** (CTĐT CLC)	65	15	A00		B00		D07		-	
2.13	QHT	QHT08	Sinh học	75	15	A00		A02		B00		D08	
2.14	QHT	QHT44	Công nghệ sinh học** (CTĐT CLC)	120	20	A00		A02		B00		D08	
2.15	QHT	QHT10	Địa lí tự nhiên	25	5	A00		A01		B00		D10	
2.16	QHT	QHT91	Khoa học thông tin địa không gian*	27	3	A00		A01		B00		D10	
2.17	QHT	QHT12	Quản lý đất đai	70	10	A00		A01		B00		D10	
2.18	QHT	QHT95	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản*	50	10	A00		A01		B00		D10	
2.19	QHT	QHT13	Khoa học môi trường	85	15	A00		A01		B00		D07	
2.20	QHT	QHT46	Công nghệ kỹ thuật môi trường** (CTĐT CLC)	52	8	A00		A01		B00		D07	
2.21	QHT	QHT96	Khoa học và công nghệ thực phẩm*	62	8	A00		A01		B00		D07	
2.22	QHT	QHT16	Khí tượng và khí hậu học	35	5	A00		A01		B00		D07	
2.23	QHT	QHT17	Hải dương học	27	3	A00		A01		B00		D07	

TT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành (Mã xét tuyển)	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo KQ thi TN THPT năm 2021	Theo Phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
2.24	QHT	QHT92	Tài nguyên và môi trường nước*	27	3	A00		A01		B00		D07	
2.25	QHT	QHT18	Địa chất học	27	3	A00		A01		B00		D07	
2.26	QHT	QHT20	Quản lý tài nguyên và môi trường	45	5	A00		A01		B00		D07	
2.27	QHT	QHT97	Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường*	28	2	A00		A01		B00		D07	
<b>3. TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN*** (1.650 chỉ tiêu)</b>				<b>1.375</b>	<b>275</b>								
3.1	QHX	QHX01	Báo chí	55	15	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.2	QHX	QHX40	Báo chí ** (CTĐT CLC)	30	5	A01		C00		D01		D78	
3.3	QHX	QHX02	Chính trị học	40	5	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.4	QHX	QHX03	Công tác xã hội	50	10	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.5	QHX	QHX04	Đông Nam Á học	33	7	A01		-		D01		D78	
3.6	QHX	QHX05	Đông phương học	50	10	-		C00		D01, D04		D78, D83	
3.7	QHX	QHX26	Hàn Quốc học	40	10	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.8	QHX	QHX06	Hán Nôm	25	5	-		C00		D01, D04		D78, D83	
3.9	QHX	QHX07	Khoa học quản lý	50	15	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.10	QHX	QHX41	Khoa học quản lý** (CTĐT CLC)	30	5	A01		C00		D01		D78	
3.11	QHX	QHX08	Lịch sử	45	10	-		C00		D01, D04		D78, D83	

TT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành (Mã xét tuyển)	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo KQ thi TN THPT năm 2021	Theo Phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
3.12	QHX	QHX09	Lưu trữ học	40	5	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.13	QHX	QHX10	Ngôn ngữ học	45	10	-		C00		D01, D04		D78, D83	
3.14	QHX	QHX11	Nhân học	40	5	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.15	QHX	QHX12	Nhật Bản học	40	10	-		-		D01, D06		D78	
3.16	QHX	QHX13	Quan hệ công chúng	55	10	-		C00		D01, D04		D78, D83	
3.17	QHX	QHX14	Quản lý thông tin	42	8	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.18	QHX	QHX42	Quản lý thông tin ** (CTĐT CLC)	30	5	A01		C00		D01		D78	
3.19	QHX	QHX15	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	60	15	A01		-		D01		D78	
3.20	QHX	QHX16	Quản trị khách sạn	55	15	A01		-		D01		D78	
3.21	QHX	QHX17	Quản trị văn phòng	60	10	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.22	QHX	QHX18	Quốc tế học	55	15	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.23	QHX	QHX43	Quốc tế học** (CTĐT CLC)	30	5	A01		C00		D01		D78	
3.24	QHX	QHX19	Tâm lý học	65	15	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.25	QHX	QHX20	Thông tin - Thư viện	40	5	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.26	QHX	QHX21	Tôn giáo học	40	5	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.27	QHX	QHX22	Triết học	40	5	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
3.28	QHX	QHX27	Văn hóa học	40	5	-		C00		D01, D04		D78, D83	



TT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành (Mã xét tuyển)	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo KQ thi TN THPT năm 2021	Theo Phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
3.29	QHX	QHX23	Văn học	55	10	-		C00		D01, D04		D78, D83	
3.30	QHX	QHX24	Việt Nam học	50	10	-		C00		D01, D04		D78, D83	
3.31	QHX	QHX25	Xã hội học	45	10	A01		C00		D01, D04		D78, D83	
<b>4. TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ (1.600 chỉ tiêu)</b> <i>(Chỉ tiêu các ngành sư phạm chỉ là chỉ tiêu dự kiến)</i>				<b>1.120</b>	<b>480</b>								
4.1	QHF	7140231	<i>Sư phạm tiếng Anh</i>	130	45	D01	Tiếng Anh			D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
4.2	QHF	7140234	<i>Sư phạm tiếng Trung</i>	15	10	D01	Tiếng Anh	D04	Tiếng Trung	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
4.3	QHF	7140236	<i>Sư phạm tiếng Nhật</i>	15	10	D01	Tiếng Anh	D06	Tiếng Nhật	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
4.4	QHF	7140237	<i>Sư phạm tiếng Hàn Quốc</i>	15	10	D01	Tiếng Anh	<i>Toán, Ngữ văn, Tiếng Hàn</i>	<i>Tiếng Hàn</i>	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
4.5	QHF	7220201	Ngôn ngữ Anh ** (CTĐT CLC)	310	140	D01	Tiếng Anh			D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
4.6	QHF	7220203	Ngôn ngữ Pháp ** (CTĐT CLC)	70	30	D01	Tiếng Anh	D03	Tiếng Pháp	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
4.7	QHF	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc ** (CTĐT CLC)	140	60	D01	Tiếng Anh	D04	Tiếng Trung	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
4.8	QHF	7220205	Ngôn ngữ Đức ** (CTĐT CLC)	70	30	D01	Tiếng Anh	D05	Tiếng Đức	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
4.9	QHF	7220209	Ngôn ngữ Nhật ** (CTĐT CLC)	140	60	D01	Tiếng Anh	D06	Tiếng Nhật	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
4.10	QHF	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc ** (CTĐT CLC)	140	60	D01	Tiếng Anh	<i>Toán, Ngữ văn, Tiếng Hàn</i>	<i>Tiếng Hàn</i>	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh

TT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành (Mã xét tuyển)	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo KQ thi TN THPT năm 2021	Theo Phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
4.11	QHF	7220202	Ngôn ngữ Nga	50	20	D01	Tiếng Anh	D02	Tiếng Nga	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
4.12	QHF	7220211	Ngôn ngữ Ả Rập	25	5	D01	Tiếng Anh			D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
<i>Ghi chú: Nhà trường sẽ cập nhật mã tổ hợp Toán, Ngữ văn, Tiếng Hàn sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ GD&amp;ĐT</i>													
<b>5. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ ( 1.300 chỉ tiêu)</b>				<b>1.050</b>	<b>150</b>								
5.1	QHE	QHE40	Quản trị kinh doanh ** (CTĐT CLC)	170	40	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh
5.2	QHE	QHE41	Tài chính Ngân hàng** (CTĐT CLC)	150	20	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh
5.3	QHE	QHE42	Kế toán ** (CTĐT CLC)	160	10	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh
5.4	QHE	QHE43	Kinh tế quốc tế** (CTĐT CLC)	210	60	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh
5.5	QHE	QHE44	Kinh tế** (CTĐT CLC)	200	10	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh
5.6	QHE	QHE45	Kinh tế phát triển** (CTĐT CLC)	160	10	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh
5.6	QHE	QHE50	Quản trị kinh doanh (CTĐT dành cho các tài năng thể thao)	<b>100 chỉ tiêu</b> (Xét tuyển dựa trên đánh giá hồ sơ thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia tham gia thi đấu các giải quốc tế chính thức, vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên). Thông tin chi tiết: <a href="http://tuyensinhdaihoc.ueb.edu.vn/ueb-tuyen-sinh-dai-hoc-2018-DHKT-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nganh-Quan-tri-kinh-doanh-danh-cho-cac-tai-nang-the-thao-nam-2021-5210.html">http://tuyensinhdaihoc.ueb.edu.vn/ueb-tuyen-sinh-dai-hoc-2018-DHKT-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nganh-Quan-tri-kinh-doanh-danh-cho-cac-tai-nang-the-thao-nam-2021-5210.html</a>									

TT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành (Mã xét tuyển)	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo KQ thi TN THPT năm 2021	Theo Phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
<b>6. TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC (1.000 chỉ tiêu)</b>				<b>900</b>	<b>100</b>								
<b>Nhóm ngành: Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên (dự kiến: 300 chỉ tiêu)</b>				<b>270</b>	<b>30</b>								
6.1	QHS	GD1	Sư phạm Toán	270	30	A00	A01	B00	D01				
			Sư phạm Vật lý										
			Sư phạm Hóa học										
			Sư phạm Sinh học										
			Sư phạm Khoa học tự nhiên										
<b>Nhóm ngành: Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý (dự kiến: 220 chỉ tiêu)</b>				<b>195</b>	<b>25</b>								
6.2	QHS	GD2	Sư phạm Ngữ Văn	195	25	C00	D01	D14	D15				
			Sư phạm Lịch sử										
			Sư phạm Lịch sử và Địa lý										
<i>Chỉ tiêu đối với các ngành sư phạm (đào tạo giáo viên) của Trường DHGD, ĐHNN chỉ là dự kiến; ĐHQGHN sẽ cập nhật ngay sau khi có Thông báo của Bộ GDĐT</i>													
<b>Nhóm ngành: Khoa học giáo dục (230 chỉ tiêu)</b>				<b>210</b>	<b>20</b>								
6.3	QHS	GD3	Quản trị trường học	210	20	A00	B00	D01	C00				
			Quản trị Công nghệ giáo dục										
			Quản trị chất lượng giáo dục										
			Tham vấn học đường										
			Khoa học giáo dục										

TT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành (Mã xét tuyển)	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo KQ thi TN THPT năm 2021	Theo Phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
6.4	QHS	<b>GD4</b>	Giáo dục Tiểu học	135	15	A00		B00		D01		C00	
6.4	QHS	<b>GD45</b>	Giáo dục Mầm non	90	10	A00		B00		D01		C00	
<b>7. TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NHẬT (100 chỉ tiêu)</b>				<b>45</b>	<b>55</b>								
7.1	VJU	7310613	Nhật Bản học	45	55	A01, D28		D01, D06		D14, D63		D78, D81	
<b>8. TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC (500 chỉ tiêu)</b>				<b>350</b>	<b>150</b>								
8.1	QHY	7720101	Y khoa	105	45	B00		-		-		-	
8.2	QHY	7720201	Dược học	105	45	A00		-		-		-	
8.3	QHY	7720501	Răng - Hàm - Mặt** (CTĐT CLC)	35	15	B00; <i>tiếng Anh điều kiện (điểm thi THPT năm 2021 &gt;=4)</i>							
8.4	QHY	7720301	Điều dưỡng	35	15	B00		-		-		-	
8.5	QHY	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	35	15	B00		-		-		-	
8.6	QHY	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	35	15	B00		-		-		-	
<b>9. KHOA LUẬT (700 chỉ tiêu)</b>				<b>560</b>	<b>140</b>								
9.1	QHL	7380101	Luật***	312	78	C00		A00		D01, D03		D78, D82	
9.2	QHL	7380101 (CLC)	Luật** (CTĐT CLC)	48	12	A01		D01		D07		D78	
9.3	QHL	7380110	Luật kinh doanh	152	38	A00		A01		D01, D03		D90, D91	
9.4	QHL	7380109	Luật thương mại quốc tế	48	12	A00		A01		D01		D78, D82	

TT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành (Mã xét tuyển)	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo KQ thi TN THPT năm 2021	Theo Phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
<b>10. KHOA QUỐC TẾ (750 chỉ tiêu)</b>				<b>525</b>	<b>225</b>								
10.1	QHQ	QHQ01	Kinh doanh quốc tế **	154	66	A00		A01	Ngoại ngữ	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
10.2	QHQ	QHQ02	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán **	105	45	A00		A01	Ngoại ngữ	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
10.3	QHQ	QHQ03	Hệ thống thông tin quản lý **	70	30	A00		A01	Ngoại ngữ	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
10.4	QHQ	QHQ04	Tin học và kỹ thuật máy tính **** ((CTĐT LKQT do ĐHQGHN cấp bằng)	56	24	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
10.5	QHQ	QHQ05	Phân tích dữ liệu kinh doanh **	70	30	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
10.6	QHQ	QHQ06	Marketing **** (CTĐT cấp 2 bằng ĐH của ĐHQGHN và trường ĐH HELP - Malaysia)	42	18	A00		A01	Ngoại ngữ	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
10.7	QHQ	QHQ07	Quản lý **** (CTĐT cấp 2 bằng ĐH của ĐHQGHN và trường ĐH Keuka - Hoa Kỳ)	28	12	A00		A01	Ngoại ngữ	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
<i>Đối với tất cả các tổ hợp xét tuyển, thí sinh phải đạt điểm thi tốt nghiệp THPT (năm 2021) môn Ngoại ngữ tối thiểu 5 điểm (theo thang điểm 10), trừ đối tượng được miễn thi môn này</i>													

TT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành (Mã xét tuyển)	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo KQ thi TN THPT năm 2021	Theo Phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
<b>11. KHOA QUẢN TRỊ VÀ KINH DOANH (360 chỉ tiêu)</b>				<b>280</b>	<b>80</b>								
11.1	QHD	7900101	Quản trị Doanh nghiệp và Công nghệ	70	20	A01		D01		D07		D08	
11.2	QHD	7900102	Marketing và Truyền thông	70	20	D01		D09		D10		D96	
11.3	QHD	7900103	Quản trị Nhân lực và Nhân tài	70	20	D01		D09		D10		D96	
11.4	QHD	7900189	Quản trị và An ninh <i>(dự kiến)</i>	70	20	A01		D01		D07		D08	
<i>Đối với tất cả các tổ hợp xét tuyển, thí sinh phải đạt kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 môn tiếng Anh tối thiểu 5 điểm (theo thang điểm 10) hoặc có chứng chỉ tiếng Anh IELTS đạt từ 4.5 trở lên hoặc tương đương</i>													
<b>12. KHOA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH (180 chỉ tiêu)</b>				<b>150</b>	<b>30</b>								
12.1	QHK	7349001	Quản trị thương hiệu	100	20	A00		A01		C00		D01, D03, D04	
12.2	QHK	7349002	Quản trị tài nguyên di sản <i>(dự kiến)</i>	50	10	A01		C00		D01, D03, D04		D78, D82, D83	
<b>TỔNG CHỈ TIÊU CỦA ĐHQGHN: 11.250 chỉ tiêu</b>				<b>8.475</b>	<b>2.675</b>	<i>và 100 chỉ tiêu cho CTĐT Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao</i>							

**Ghi chú:** (\*) Các chương trình đào tạo thí điểm.

(\*\*) CTĐT CLC thu học phí tương ứng với chất lượng đào tạo. Thí sinh tham khảo mức học phí và điều kiện phụ về điểm môn ngoại ngữ của từng CTĐT quy định chi tiết trong đề án thành phần của trường đại học thành viên, khoa trực thuộc ĐHQGHN (kết quả môn Ngoại ngữ tại kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi và Đề án tuyển sinh của đơn vị).

(\*\*\*) Các ngành đào tạo xét tuyển theo chỉ tiêu từng tổ hợp (ngành Luật – hệ chuẩn của Khoa Luật và tất cả các CTĐT của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn), thông tin chi tiết xem tại đề án thành phần của Trường/Khoa.

(\*\*\*\*) CTĐT liên kết quốc tế do ĐHQGHN cấp bằng và/hoặc đồng cấp bằng.

**Một số lưu ý khác:**

- Các CTĐT có mã Nhóm ngành: CN1, CN2, CN3 và CN8 của Trường ĐH Công nghệ và các nhóm ngành: GD1, GD2, GD3 của Trường ĐH Giáo dục: Thí sinh trúng tuyển vào nhóm ngành được phân vào từng ngành đào tạo sau khi vào học trong năm thứ nhất (đối với sinh viên trường ĐHCN) và sau 2 học kỳ chính của năm thứ nhất (đối với sinh viên trường ĐHGĐ).

- Tiêu chí phụ xét tuyển của từng CTĐT (nếu có) được quy định tại các đề án thành phần của trường đại học thành viên, khoa trực thuộc ĐHQGHN.

***Bảng tổ hợp môn xét tuyển đại học năm 2021 của ĐHQGHN***

A00: Toán, Vật lí, Hoá học	D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
A02: Toán, Vật lí, Sinh học	D23: Toán, Hóa học, Tiếng Nhật
B00: Toán, Hoá học, Sinh học	D24: Toán, Hóa học, Tiếng Pháp
C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	D28: Toán, Vật lí, Tiếng Nhật
C01: Ngữ văn, Toán, Vật lí	D63: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Nhật
D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D78: Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
D02: Toán, Ngữ văn, Tiếng Nga	D81: Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Nhật
D03: Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	D82: Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Pháp
D04: Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung	D83: Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Trung
D05: Toán, Ngữ văn, Tiếng Đức	D90: Toán, Khoa học Tự nhiên, Tiếng Anh
D06: Toán, Ngữ văn, Tiếng Nhật	D91: Toán, Khoa học Tự nhiên, Tiếng Pháp
D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D96: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Anh
D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh	D97: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Pháp
D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	DD0: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Nhật
D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh	(*) Mã tổ hợp (Toán, Ngữ văn, Tiếng Hàn) đang chờ Bộ GD&ĐT cấp

## 2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển

a) Căn cứ vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021, ĐHQGHN quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tương ứng đối với thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 để xét tuyển.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level tổ hợp kết quả 3 môn thi theo các khối thi quy định của ngành đào tạo tương ứng đảm bảo mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range  $\geq 60$ ) (*chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi*) mới đủ điều kiện đăng ký để xét tuyển.

c) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi SAT là 1100/1600 (*chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi*). Mã đăng ký của ĐHQGHN với tổ chức thi SAT (The College Board) là **7853-Vietnam National University-Hanoi** (*thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT*).

d) Xét tuyển thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing) đạt điểm từ 22/36.

e) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác (*quy định tại Phụ lục đính kèm, với điều kiện chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi*) và có tổng điểm 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 12 điểm (*trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Văn*).

f) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với thí sinh sử dụng kết quả kỳ ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức năm 2021 sẽ được ĐHQGHN công bố trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển (ĐKXT).

Thí sinh theo dõi để tham khảo hướng dẫn chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của ĐHQGHN theo địa chỉ <http://tuyensinh.vnu.edu.vn>

**2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành/CTĐT của trường** (*mã trường, mã ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...*, được thông tin chi tiết tại: [www.tuyensinh.vnu.edu.vn](http://www.tuyensinh.vnu.edu.vn))

## 2.7. Tổ chức tuyển sinh

### 2.7.1. Thời gian xét tuyển

#### a) Thời gian xét tuyển đợt 1

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng (XTT), ưu tiên xét tuyển (XTT): Thực hiện theo Hướng dẫn của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh ĐHCQ năm 2021 của ĐHQGHN, *chi tiết sẽ được cập nhật trên website của ĐHQGHN và Đề án tuyển sinh thành phần của đơn vị.*



- Đối với thí sinh sử dụng kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2021: *Các mốc thời gian thực hiện theo Hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GD&ĐT*

- Đối với thí sinh sử dụng phương thức xét tuyển khác (IELTS, SAT, ACT, A-Level, ĐGNL do ĐHQGHN): Dự kiến từ ngày 25/6/2021 đến trước ngày 31/7/2021;

- Đối với thí sinh ĐKXT hồ sơ năng lực (*học bạ + phỏng vấn + điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021*): Theo lịch của các HĐTS (chi tiết sẽ được công bố trong Đề án tuyển sinh của các Trường/Khoa).

*b) Thời gian xét tuyển đợt bổ sung (nếu có)*

Ngay sau khi kết thúc xét tuyển đợt 1, thông tin cụ thể về xét tuyển bổ sung sẽ được thông báo trên trang thông tin điện tử của các đơn vị đào tạo đại học và Cổng thông tin tuyển sinh của ĐHQGHN.

### **2.7.2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển**

*a) Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021*

- Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng, số trường/khoa và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Các HĐTS căn cứ vào kết quả thi để xét tuyển bình đẳng tất cả các nguyện vọng của thí sinh đăng ký. Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Điều 7 của Quy chế tuyển sinh, được làm tròn đến hai chữ số thập phân; Trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển theo các điều kiện phụ do mỗi đơn vị quy định và được công khai trong đề án tuyển sinh năm 2021, nếu vẫn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng ưu tiên cao hơn;

- Thí sinh trúng tuyển phải **xác nhận nhập học trực tuyến** trong thời hạn quy định. Quá thời hạn quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và HĐTS được xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung (nếu có).

*b) Đối với thí sinh đáp ứng điều kiện tại Mục 2.5 b-f*

- Thí sinh được ĐKXT tối đa 02 nguyện vọng vào các Trường/Khoa thuộc ĐHQGHN và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (*nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất*). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

- Xét tuyển theo nguyên tắc từ cao đến thấp đến hết chỉ tiêu phân bổ tương ứng của từng nguồn tuyển. Nếu có các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển theo các điều kiện phụ do đơn vị quy định trong đề án tuyển sinh năm 2021 hoặc thí sinh ĐKXT có nguyện vọng ưu tiên cao hơn;

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định, hình thức xác nhận do HĐTS quy định. Quá thời hạn quy định của đơn vị, thí sinh không

xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và HĐTS được xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung tiếp theo.

### 2.7.3. Tổ chức xét tuyển

#### a. Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021

(i) Thí sinh ĐKXT và nộp lệ phí xét tuyển theo quy định của Sở GDĐT/Bộ GDĐT. Trong các đợt xét tuyển bổ sung, thí sinh thực hiện ĐKXT và nộp lệ phí theo quy định tại các HĐTS.

(ii) Sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021, thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT trong thời hạn quy định theo Hướng dẫn của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 của ĐHQGHN;

(iii) Thí sinh xác nhận nhập học vào đơn vị đào tạo của ĐHQGHN bằng hình thức trực tuyến tại địa chỉ: [tuyensinh.vnu.edu.vn](http://tuyensinh.vnu.edu.vn) trong khoảng thời gian quy định và gửi Giấy chứng nhận kết quả thi (bản chính) tới Trường/Khoa bằng thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp khi nhập học.

- Đăng nhập vào địa chỉ [tuyensinh.vnu.edu.vn](http://tuyensinh.vnu.edu.vn) mục “**Xác nhận nhập học vào ĐHQGHN**” hoặc đường dẫn qua các website các đơn vị đào tạo.

- Nhập **MÃ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN** (ghi trên Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021) để **XÁC NHẬN** nhập học vào ĐHQGHN. Mã ĐKXT chỉ được sử dụng duy nhất **01 lần**. Thí sinh đã sử dụng mã ĐKXT vào ĐHQGHN sẽ không được phép rút/hủy hồ sơ hay xác nhận vào bất kỳ trường đại học, cơ sở giáo dục nào khác trên cả nước trong các đợt xét tuyển năm 2021.

- Thí sinh hoàn thiện các thông tin cá nhân: Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân, điện thoại, địa chỉ liên hệ trên tài khoản xác nhận trực tuyến và làm theo các hướng dẫn khác (*ĐHQGHN sẽ có Hướng dẫn chi tiết khi thí sinh Xác nhận nhập học*).

- Thí sinh đăng nhập tài khoản sau khi hoàn thành xác nhận trực tuyến tại địa chỉ: [tuyensinh.vnu.edu.vn](http://tuyensinh.vnu.edu.vn), mục “**Kết quả xét tuyển và Nhập học**” để kiểm tra thông tin.

(iv) Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin cá nhân, kết quả thi, nguyện vọng ĐKXT và xác nhận nhập học. Các HĐTS có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKXT và dữ liệu đăng ký dự thi với hồ sơ gốc.

#### b. Xét tuyển các đối tượng quy định tại Mục 2.5b-f

(i) Thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level, kết quả kỳ thi SAT, ACT, ĐGNL của ĐHQGHN, chứng chỉ IELTS hoặc tương đương (*theo quy định tại Phụ lục*) tải Phiếu ĐKXT theo mẫu tại Cổng thông tin của ĐHQGHN hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị.

(ii) Thí sinh hoàn thiện phiếu ĐKXT, gửi trực tiếp hoặc thư chuyển phát nhanh tới HĐTS trong thời gian quy định.

(iii) HĐTS công bố kết quả xét tuyển và danh sách trúng tuyển trên website của đơn vị trước ngày 01/8/2021 (*dự kiến*).

(iv) Thí sinh kiểm tra danh sách trúng tuyển tại Cổng thông tin tuyển sinh của ĐHQGHN hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị. Thí sinh trúng tuyển gửi bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương về HĐTS các đơn vị trong thời gian quy định để **Xác nhận nhập học**.

## **2.8. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh**

2.8.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng, theo khu vực, các đối tượng được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thực hiện theo Quy chế và Hướng dẫn công tác tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT.

2.8.2. Học sinh THPT chuyên thuộc ĐHQGHN được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN phải tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Là thành viên chính thức đội tuyển dự kỳ thi Olympic hoặc các cuộc thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;

b) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;

c) Đạt giải chính thức trong kỳ thi Olympic chuyên Khoa học Tự nhiên bậc THPT được tổ chức hàng năm;

d) Là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật quốc gia;

e) Có điểm trung bình chung học tập từng học kỳ trong 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và điểm trung bình chung học tập của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển từng kỳ trong 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và có kết quả thi tốt nghiệp THPT đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành (*mức điểm xét tuyển cụ thể và các tiêu chí phụ do đơn vị quy định*);

Học sinh đạt một trong các tiêu chí quy định tại điểm a, b, c, d Mục 2.8.2 trong các năm học ở bậc THPT được bảo lưu kết quả khi xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN.

2.8.3. Học sinh hệ chuyên các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*không phải là 2 trường THPT chuyên của ĐHQGHN*) được đăng ký xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học ở các đơn vị đào tạo của ĐHQGHN nếu đáp ứng các yêu cầu như đối với học sinh THPT chuyên thuộc ĐHQGHN được quy định tại Mục 2.8.2 và là học sinh hệ chuyên thuộc trường THPT chuyên có tên trong danh sách các trường được đơn vị dành chỉ tiêu xét tuyển thẳng và xét tuyển.

2.8.4. Học sinh hệ không chuyên của các trường THPT thuộc ĐHQGHN được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN phải tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Đạt giải chính thức trong các cuộc thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực và quốc tế;

b) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQG;

c) Đạt giải chính thức trong kỳ thi Olympic chuyên Khoa học tự nhiên bậc THPT được tổ chức hàng năm;

d) Có điểm trung bình chung học tập từng kỳ trong 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 8,5 trở lên và điểm trung bình chung học tập của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển từng kỳ trong 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 9,0 trở lên và có kết quả thi tốt nghiệp THPT đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành (mức điểm xét tuyển cụ thể và các tiêu chí phụ do đơn vị quy định).

2.8.5. Học sinh các trường THPT trên toàn quốc được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN phải tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Là thành viên tham gia cuộc thi tháng của chương trình **“Đường lên đỉnh Olympia”** do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức hàng năm và có điểm trung bình chung học tập 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên;

b) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đạt giải phù hợp với ngành đào tạo và điểm trung bình chung học tập 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên.

Đơn vị quy định cụ thể các tiêu chí xét tuyển dựa trên kết quả học tập, thứ tự ưu tiên xét tuyển thẳng kết quả cuộc thi, giải thưởng thí sinh đạt được và các tiêu chí phụ khác (nếu có).

2.8.6. Thí sinh đáp ứng tiêu chí tại các Mục 2.8.2 đến 2.8.5 không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển nếu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành/CTĐT trong năm tuyển sinh.

2.8.7. Các đơn vị quy định cụ thể về xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh, bao gồm: ngành/nhóm ngành/chương trình đào tạo, thí sinh được xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển tương ứng với loại giải và môn thi của thí sinh đoạt giải hoặc môn chuyên của thí sinh (các đơn vị có thể bổ sung thêm các ngành đúng, ngành gần đối với từng môn thi học sinh giỏi quốc gia hoặc môn chuyên phù hợp với yêu cầu đầu vào của ngành đào tạo), chỉ tiêu cho từng ngành/nhóm ngành/chương trình đào tạo, quy trình xét tuyển được công bố công khai trên trang thông tin của đơn vị, của ĐHQGHN và các phương tiện thông tin đại chúng.

## **2.9. Học phí dự kiến với sinh viên và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm**

Học phí dự kiến với sinh viên chính quy các CTĐT chuẩn: từ 10-15 triệu đồng/năm/sinh viên và từ 30-60 triệu đồng/năm/sinh viên đối với các CTĐT đặc thù, CTĐT CLC trình độ đại học theo Đề án được phê duyệt của ĐHQGHN.

*Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:* Theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

### **2.10. Các nội dung khác**

Địa chỉ trang thông tin điện tử của ĐHQGHN: <http://vnu.edu.vn> hoặc Cổng thông tin tuyển sinh của ĐHQGHN: <http://tuyensinh.vnu.edu.vn>

- Điện thoại: 024.375 47 670 (máy lẻ 517, 527)
- Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc: *Chi tiết xem tại đề án thành phần của các trường thành viên/Khoa trực thuộc ĐHQGHN.*

### **Phụ lục 1. Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10 của Đại học Quốc gia Hà Nội**

STT	Trình độ Tiếng Anh		Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	
1	5,5	65-78	8,50
2	6,0	79-87	9,00
3	6.5	88-95	9,25
4	7,0	96-101	9,50
5	7,5	102-109	9,75
6	8,0-9,0	110-120	10,00

**Phụ lục 2. Các chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng trong tuyển sinh ĐHCQ năm 2021  
của Đại học Quốc gia Hà Nội**

<b>Môn Ngoại ngữ</b>	<b>Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu (*)</b>	<b>Đơn vị cấp chứng chỉ</b>
Tiếng Anh	IELTS 5.5 điểm	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
	TOEFL iBT 72 điểm	Educational Testing Service (ETS)
Tiếng Nga	TRKI-2	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)
Tiếng Pháp	- TCF 350 điểm - DELF B2	Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP)
Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 4  - TOCFL cấp độ 4	- Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Hanban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese) - Ủy ban Công tác Thúc đẩy Kỳ thi Năng lực Hoa ngữ Quốc gia (Steering Committee for the Test Of Proficiency-Huayu)
Tiếng Đức	- DSH B2 - TestDaF B2 - Goethe-Zertifikat B2 - DSD B2 - TELC B2 - ÖSD Zertifikat B2	- Các trường đại học Đức - Viện TestDaF - Viện Goethe (Goethe-Institut) - KMK (Hội đồng Bộ trưởng văn hóa, giáo dục của Liên bang và các bang CHLB Đức) - TELC B2 (TELC GmbH) - Hiệp hội ÖSD (Cộng hòa Áo)
Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
Tiếng Hàn	TOPIK II cấp độ 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (KICE)

(\*) *HDTS các đơn vị xây dựng thang chuyển đổi điểm cho các chứng chỉ ngoại ngữ khác (trừ tiếng Anh) trong tổ hợp xét tuyển tương ứng với bảng quy đổi điểm chứng chỉ tại Phụ lục 1.*

**Phụ lục 3. Địa chỉ liên hệ của các Hội đồng tuyển sinh thuộc ĐHQGHN**

<b>ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO</b>	<b>Mã trường</b>
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ</b> Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: 024 3754 7865/0334 924 224; Fax: 024 3754 7460 Website: <a href="http://uet.vnu.edu.vn">http://uet.vnu.edu.vn</a> Email: <a href="mailto:tuyensinhDHCN@vnu.edu.vn">tuyensinhDHCN@vnu.edu.vn</a>	<b>QHI</b>
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN</b> Nhà T1, số 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. Điện thoại: 024 3557 9076/024 3858 5279; Fax: 024 3858 3061 Website: <a href="http://hus.vnu.edu.vn">http://hus.vnu.edu.vn</a> Email: <a href="mailto:tuvantuyensinh@hus.edu.vn">tuvantuyensinh@hus.edu.vn</a>	<b>QHT</b>
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN</b> Nhà E, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. Điện thoại: 0862 155 299; Fax: 024 3858 7326 Website: <a href="http://ussh.vnu.edu.vn">http://ussh.vnu.edu.vn</a> Email: <a href="mailto:tuyensinh@ussh.edu.vn">tuyensinh@ussh.edu.vn</a>	<b>QHX</b>
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ</b> Nhà A2, Số 2, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội; Điện thoại: 024 3754 7269; Fax: 024 3754 8057 Email: <a href="mailto:dhnn@vnu.edu.vn">dhnn@vnu.edu.vn</a> Website: <a href="http://ulis.vnu.edu.vn">http://ulis.vnu.edu.vn</a>	<b>QHF</b>
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ</b> Nhà E4, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024 37547 506 (máy lẻ 666,888); Hotline: 0913 486 773 Website: <a href="http://tuyensinhdaihoc.ueb.edu.vn">http://tuyensinhdaihoc.ueb.edu.vn</a> Email: <a href="mailto:tuyensinhdaihoc_dhkt@vnu.edu.vn">tuyensinhdaihoc_dhkt@vnu.edu.vn</a>	<b>QHE</b>
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC</b> Nhà G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội; Điện thoại: 024 7301 7123 Website: <a href="http://education.vnu.edu.vn">http://education.vnu.edu.vn</a> Email: <a href="mailto:education@vnu.edu.vn">education@vnu.edu.vn</a>	<b>QHS</b>
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NHẬT</b> Đường Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội Điện thoại: 02473066001-5093; Hotline: 0966954736 Website: <a href="http://vju.ac.vn">http://vju.ac.vn</a> Email: <a href="mailto:admission@vju.ac.vn">admission@vju.ac.vn</a>	<b>VJU</b>
<b>KHOA LUẬT</b> Nhà E1, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: 024 3754 9714; Website: <a href="http://law.vnu.edu.vn">http://law.vnu.edu.vn</a> Email: <a href="mailto:tuvantuyensinhkhoaluat@gmail.com">tuvantuyensinhkhoaluat@gmail.com</a>	<b>QHL</b>
<b>KHOA Y DƯỢC</b> Nhà Y1, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: 024 37450 144; Fax: 024 3745 0188 Website: <a href="http://smp.vnu.edu.vn">http://smp.vnu.edu.vn</a> ; Email: <a href="mailto:smp@vnu.edu.vn">smp@vnu.edu.vn</a>	<b>QHY</b>
<b>KHOA QUỐC TẾ</b> Nhà G8, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: 024 3555 3555; Fax: 024 3754 9014 Email: <a href="mailto:tuyensinh@khoaquocte.vn">tuyensinh@khoaquocte.vn</a> Website: <a href="http://is.vnu.edu.vn">http://is.vnu.edu.vn</a> ; <a href="http://khoaquocte.vn">http://khoaquocte.vn</a>	<b>QHQ</b>
<b>KHOA QUẢN TRỊ VÀ KINH DOANH</b> Nhà B1, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: 024 3754 8456 – 0868 226656 ; Email: <a href="mailto:met.ts@hsb.edu.vn">met.ts@hsb.edu.vn</a> ; Website: <a href="http://hsb.vnu.edu.vn">http://hsb.vnu.edu.vn</a>	<b>QHD</b>
<b>KHOA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH</b> Nhà G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: 024 3754 7615 – 024 3754 7619; 0912 775 237 Email: <a href="mailto:tuyensinhliengnganh@vnu.edu.vn">tuyensinhliengnganh@vnu.edu.vn</a> Website: <a href="https://sis.vnu.edu.vn">https://sis.vnu.edu.vn</a>	<b>QHK</b>